

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SƠN LA  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HS-ST

Ngày 27/04/2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội Đ1 xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Bích Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Quốc Bình, ông Quảng Văn Pậu.

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Cà Thị Giang, Thư ký Tòa án.

**- Đại Diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 04 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2020/TLST-HS ngày 17/02/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXXST-HS ngày 17/4/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Hữu Đ (tên gọi khác: Không); sinh ngày: 15/4/1987 tại: huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Trú tại: Thôn 7, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Giới tính: Nam ; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông: Nguyễn Hữu Tr và bà Trần Thị T; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Minh Đ (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/12/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố S.

\* Người bị hại: Anh Mai Văn Đ1, sinh năm 1991. Trú tại: Tổ 5, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1979. Trú tại: Tổ 8, phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La. (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

- Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm: 1989. Trú tại: Tổ 5, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

- Anh Tòng Văn Ph, sinh năm: 1983. Trú tại: Bản S, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

- Anh Đèo Mạnh Th, sinh năm: 1982. Trú tại: Tiểu khu ngã ba, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

- Anh Đỗ Minh T, sinh năm: 1994. Trú tại: Tiểu khu ngã ba, xã C huyện M, tỉnh Sơn La. (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

- Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1982. Trú tại: Bản Là Hạ, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16h ngày 14/4/2019, Nguyễn Hữu Đ đi bộ từ nhà tại thôn 7 xã Chiềng Mung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La đến nhà anh Mai Văn Đ1, trú tại tổ 5, phường C, thành phố S chơi. Trong lúc chơi ở nhà Đ1, Đ nhìn thấy chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha - Exciter màu xám xanh, biển kiểm soát 26G1 - 203.08 đang dựng trên vỉa hè trước cửa nhà anh Đ1, chìa khóa để trên bàn uống nước, Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Lợi dụng lúc anh Đ1 không để ý Đ lấy chìa khóa ra chỗ để xe máy, mở khóa điện rồi nổ máy điều khiển xe lên thành phố S.

Khi đi đến cây xăng B thuộc tổ 1, phường Q, thành phố S, Đ điều khiển xe vào mua xăng, khi mở cốp xe thấy bên trong cốp có 01 chiếc ví giả da màu vàng, bên trong có 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Vi Văn H, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Mai Văn Đ1. Đ cất tất cả giấy tờ trên vào trong túi quần đang mặc rồi điều khiển xe lên thành phố S. Khi đi đến khu vực nhà nghỉ Minh Đ (thuộc tổ 1, phường Q, thành phố S). Đ vứt chiếc ví giả da xuống đường rồi điều khiển xe máy quay về khu trường cao đẳng Sơn La (thuộc tổ 2, phường C, thành phố S) chơi điện tử.

Đến 11 giờ ngày 15/4/2019, Đ điều khiển xe đến nhà anh Vũ Q Vinh, trú lại tổ 6, phường C, thành phố S hỏi vay tiền nhưng anh Vinh không có tiền nên đã gọi điện cho Nguyễn Đức M, trú tại tổ 8, phường T, thành phố S (là bạn của Vinh) đến nhà Vinh cho Đ vay tiền. Một lúc sau thì M đến, qua trao đổi M Đ1 ý cho Đ vay 10.000.000 đ (*Mười triệu đồng*) và làm giấy vay nợ. Sau khi vay được tiền. Đ gửi lại chiếc xe máy trên cho M giữ. Đến ngày 19/4/2019, Đ lại gọi điện cho M hỏi vay thêm 5.000.000 Đ1 (*Năm triệu đồng*), M Đ1 ý và Đ đến nhà M lấy tiền và ghi thêm vào tờ giấy vay tiền trước đó. Do hết tiền chi tiêu, Đ tiếp tục gọi điện thoại cho M hỏi vay tiếp 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) nhưng M không nhất trí. Sau đó, Đ gọi điện thoại cho Nguyễn Đ Q, trú tại tổ 1, phường C, thành phố S hỏi vay 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) để trả cho anh M và lấy xe máy về bán. nghe Đ nói vậy anh Q đồng ý. Do anh Q không có nhà nên anh Q gọi điện thoại nhờ anh Phạm Văn Lâm, trú tại tổ 4, phường C, thành phố S đến

nhà anh Q gặp chị Liên (là vợ Q) lấy 15.000.000 Đ1 (*Mười lăm triệu đồng*) mang trả cho M rồi lấy xe máy cùng giấy tờ mang về nhà Q.

Đến khoảng 10 giờ ngày 20/4/2019, Đ đi bộ đến quán sửa chữa xe máy của anh Phạm Ngọc Hiền tại tổ 6, phường Q, thành phố S, qua trao đổi Đ cùng Hiền đi xuống nhà anh Q để xem xe, do giấy tờ không chính chủ nên anh Hiền không mua. Sau đó Đ bán chiếc xe máy cho anh Q với giá 32.000.000 Đ1 (*Ba mươi hai triệu Đ1*). Trước khi mua anh Q có hỏi về nguồn gốc chiếc xe máy thì Đ trả lời chiếc xe máy trên là của Đ đòi nợ mà có, khi mua bán Đ và Q có làm giấy tờ mua bán.

Vào khoảng tháng 4 năm 2019 (không rõ ngày), do không có nhu cầu sử dụng anh Q lại bán chiếc xe máy trên cho anh Tòng Văn Ph, trú tại bản Sắng, phường C, thành phố S với giá 32.000.000 Đ1 (*Ba mươi hai triệu đồng*), không làm giấy tờ mua bán, đến ngày 03/6/2019, anh Ph bán chiếc xe máy trên cho anh Đèo Văn Th, trú tại tiểu khu ngã ba, xã C, huyện M với giá 29.000.000 Đ1 (*Hai mươi chín triệu đồng*), có làm giấy tờ mua bán. Đến ngày 06/6/2019 anh Th lại bán chiếc xe máy trên cho anh Đỗ Minh T, trú tại tiểu khu ngã ba, xã C, huyện M với giá 33.700.000 Đ1 (*ba mươi ba triệu bảy trăm ngàn đồng*), có làm giấy tờ mua bán.

Đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ, sau khi có được số tiền do bán xe Đ đã chi tiêu cá nhân hết, còn 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Mai Văn Đ1, Đ mang đến gửi nhà anh Nguyễn Văn Th trú tại thôn 6, xã C, huyện M. Đến cuối tháng 6/2019, Đ đi khỏi Địa Ph. Đến ngày 25/12/2019, Cơ quan CSĐT Công an thành phố S bắt được Nguyễn Hữu Đ tại phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào lời khai của Nguyễn Hữu Đ, ngày 02/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S tiến hành truy tìm vật chứng tại khu vực nhà nghỉ Minh Đ thuộc tổ 1, phường Q, thành phố S. Tuy nhiên không phát hiện có đồ vật nào có đặc điểm giống như các vật chứng của vụ án.

Ngày 05/7/2019, anh Đèo Mạnh Th giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an thành phố S 01 bản photo giấy bán xe giữa anh Th và Tòng Văn Ph lập ngày 03/6/2019.

Về nguồn gốc chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xám xanh, biển kiểm soát 26G1 - 203.08, anh Mai Văn Đ1 khai mua của anh Vì Văn H trú tại tiểu khu M, thị trấn C, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La với giá 37.000.000 Đ1 (*Ba mươi bảy triệu đồng*) vào ngày 15/11/2018. do chưa có điều kiện nên anh Đ1 chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ.

Ngày 20/7/2019, anh Mai Văn Đ1 giao nộp cho Cơ quan CSĐT - Công an thành phố S 01 hợp Đ1 mua bán xe máy giữa anh Đ1 và Vì Văn H lập ngày 15/11/2018.

Ngày 02/8/2019, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố S tạm giữ của anh Đỗ Minh T: 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha - Exciter màu xám xanh, biển kiểm soát 26G - 203.08; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Vì Văn H; 01 giấy bán xe máy giữa anh Vì Văn H và Tòng Văn Ph; 01 giấy bán xe giữa Đèo M Th và Đỗ Minh T.

Ngày 25/12/2019, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố S tạm giữ của Nguyễn Hữu Đ 01 giấy chứng minh nhân dân.

Ngày 30/12/2019, Nguyễn Đình Th giao nộp cho Cơ quan CSĐT - Công an thành phố S: 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Mai Văn Đ1.

Ngày 04/01/2020, anh Đèo M Th giao nộp cho Cơ quan CSĐT - Công an thành phố S 01 bản photo giấy nhận tiền mặt giữa anh Đèo M Th và anh Đỗ Minh T.

Ngày 25/7/2019, Cơ quan CSĐT Công an thành phố S Đã ra yêu cầu định giá tài sản số 2050 đối với vật chứng của vụ án: 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha - Exciter màu xám xanh BKS 26G1- 203.08.

Ngày 29/07/2019, Hội Đ1 Định giá tài sản trong tố tụng hình sự - UBND thành phố S, có kết luận định giá số 35/KL-HĐGTS xác định giá trị tài sản là: 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha - Exciter màu xám xanh BKS 26G1- 203.08. Giá trị còn lại là 18.000.000 Đ1 (*Mười tám triệu đồng*).

Đối với Nguyễn Đức M là người cho bị cáo Đ vay tiền và gửi chiếc xe máy do bị cáo trộm cắp của anh Đ1. Quá trình điều tra xác định: Anh M không biết đó là tài sản do Đ trộm cắp mà có. Do đó hành vi của M không cấu thành tội phạm.

Đối với Nguyễn Đức Q, Tòng Văn Ph, Đèo Mạnh Th và Đỗ Minh T là những người đã mua lại chiếc xe máy trên, quá trình điều tra xác định Q, Ph, Th, T không biết nguồn gốc tài sản do Đ trộm cắp mà có, do đó hành vi không cấu thành tội phạm.

Đối với Nguyễn Đình Th khi nhận giữ hộ từ Đ: 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên Mai Văn Đ1. Thạo không biết đó là những tài sản do Đ trộm cắp mà có, do đó hành vi của Thạo không cấu thành tội phạm.

Đối với Vũ Quang Vinh là người được Tòng Văn Ph nhờ giới thiệu bán chiếc xe máy trên; Phạm Văn L là người được Q nhờ mang tiền trả cho M và mang chiếc xe máy về; Phạm Ngọc H là người được bị cáo Đ trao đổi, giao bán chiếc xe máy trên. Quá trình điều tra xác định anh Vinh, anh Ph, anh H không biết chiếc xe máy trên do Đ phạm tội mà có. Do đó hành vi của Vinh, Ph, Lâm, H không cấu thành tội phạm.

Về dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo Nguyễn Hữu Đ bồi thường chi xin lại xe máy kèm giấy tờ xe và một số giấy tờ cá nhân.

Trước khi mở phiên tòa, gia đình bị cáo Nguyễn Hữu Đ đã bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Người có quyền lợi liên quan là anh Đèo M Th đã nhận đủ số tiền bồi thường và không có khiếu nại gì khác.

Tại cáo trạng số 184/CT-VKSTP ngày 17/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S truy tố Nguyễn Hữu Đ về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại Diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S giữ quan điểm truy tố và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Đ phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ từ 06 đến 12 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo. Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận gia đình bị cáo đã bồi thường cho người có quyền lợi, liên quan.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan điều tra, nhất trí với cáo trạng truy tố, thành khẩn khai báo, và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại anh Mai Văn Đ1 có mặt tại phiên tòa nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát về hình phạt cũng như trách nhiệm dân sự và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội Đ1 xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về quá trình tiến hành tố tụng:

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[2] Về hành vi và trách nhiệm hình sự của bị cáo:**

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, người bị hại, người có

quyền lợi kiên quan, người làm chứng và vật chứng bị thu giữ, kết luận giám định cùng các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội Đ1 xét xử xét thấy:

Ngày 14/4/2019, tại khu vực tổ 5, phường C, thành phố S, Nguyễn Hữu Đ đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha - Exciter, biển kiểm soát 26G1- 203.08 của anh Mai Văn Đ1, trú tại tổ 5, phường C, thành phố S. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu Đ1) sau đó đã bán cho anh Q với giá 32 triệu Đ1, anh Q bán lại xe cho anh Ph cũng giá 32 triệu Đ1 và anh Ph bán lại cho anh Th với giá 29 triệu Đ1, Th lại bán lại cho T với giá 33,7 triệu Đ1 (Th đã trả lại tiền cho T).... Xét hành vi của bị cáo là cố ý, lén lút lợi dụng người bị hại không có ở nhà để chiếm đoạt tài sản, tội phạm đã hoàn thành. Hành vi của bị cáo cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S truy tố Nguyễn Hữu Đ về tội danh trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến quyền tài sản của công dân, được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa Ph nên cần có mức án nghiêm khắc nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tài sản đã được thu hồi để trả lại cho người bị hại, người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Trước khi mở phiên tòa, ngày 14/02/2020 chị Nguyễn Thị Nh là chị gái của bị cáo Nguyễn Hữu Đ đã trả cho anh Đèo Mạnh Th là người đã mua xe máy do Đ chiếm đoạt của anh Đ1 số tiền 34.700.00đ để bồi thường khắc phục hậu quả do mình gây ra. Anh Th đã nhận đủ tiền và cam kết không có yêu cầu hay khiếu nại gì khác, Đ1 thời cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy cần cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Xét bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Mai Văn Đ1 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Tại phiên tòa chị Nh cũng không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường lại cho mình khoản tiền đã bỏ ra trả cho anh Th.

[5] Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 xe máy Yamaha - Exciter, biển kiểm soát 26G1- 203.08 kèm đăng ký xe và 1 số giấy tờ cá nhân là tài sản Đ chiếm đoạt của anh Đ1, cần trả lại cho chủ sở hữu là anh Mai Văn Đ1; đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Hữu Đ không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu Đ phạm tội: Trộm cắp tài sản

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Đ: 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Hữu Đ.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự: Chấp nhận việc bị cáo (gia đình) đã bồi thường cho người có quyền lợi liên quan là anh Đào M Th số tiền 34.700.000đ (ba mươi tư triệu bảy trăm nghìn Đ1)

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho người bị hại anh Mai Văn Đ1: 01 xe máy Yamaha - Exciter, biển kiểm soát 26G1- 203.08, số khung 0610HY564492, số máy G3D4E589524, không có gương chiếu hậu bên phải (xe đã qua sử dụng); 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 010958 do công an huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La cấp ngày 31/10/2017 mang tên Vì Văn H; 01 giấy phép lái xe số 330139018569 do sở giao thông vận tải Hưng Yên cấp ngày 28/8/2013 mang tên Mai Văn Đ1; 01 giấy chứng minh nhân dân số 173288349 mang tên Mai Văn Đ1 do công an Thanh hóa cấp ngày 17/10/2008.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu Đ 01 giấy chứng minh nhân dân số 050519514 mang tên Nguyễn Hữu Đ do công an Sơn La cấp ngày 18/02/2016.

*(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/2/2020 giữa Công an thành phố S và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S)*

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hữu Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 Đ1 (Hai trăm nghìn Đ1).

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Toà án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố S;
- Công an thành phố S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- Trại giam;
- THAHS;
- Bị cáo; người bị hại, người có QLLQ
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ  
(đã ký)**

**Hoàng Thị Bích Hồng**